

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2022/DS-PT

Ngày: 23/6/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

*Các Thẩm phán:* Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Ông Phạm Văn Ngọt

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 116/2022/QĐPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Anh Hạ Chí T, sinh năm 1983;

Cư trú tại: Ấp A, thị trấn B, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Trung H, sinh năm 1984;

Cư trú tại: Ấp A1, xã A2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 1993;

Cư trú tại: Ấp A3, xã A2, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Anh Hạ Chí T là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Hạ Chí T trình bày:*

Sáng ngày 03/8/2021 (dl), anh Phạm Trung H có đến nhà anh để hỏi vay số tiền 300.000.000 đồng. Chiều cùng ngày 03/8/2021 (dl), anh H tiếp tục đến nhà hỏi vay số tiền 400.000.000 đồng, khi vay đều có viết giấy mượn tiền. Đến ngày hôm sau là ngày 04/8/2021 (dl), anh H hỏi vay tiếp của anh số tiền 15.000.000 đồng. Do đây là số tiền nhỏ, nghĩ chỗ quen biết nên anh không có yêu cầu anh H viết giấy nợ cho khoản tiền này. Cả 03 lần vay tiền trên, hai bên đều thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hứa thời hạn trả là 01 tuần và mục đích vay là để anh H cho khách hàng cần làm thủ tục đáo hạn ngân hàng vay lại.

Tổng số tiền anh H vay của anh T là 715.000.000 đồng. Tuy nhiên, từ khi vay tiền đến nay, dù nhiều lần anh đã yêu cầu trả tiền nhưng anh H không trả lãi cũng không trả vốn cho anh như đã cam kết. Việc vay mượn tiền trên chỉ có anh và anh H giao dịch, chị N không có tham gia. Tuy nhiên, do đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của anh H và chị N nên anh khởi kiện yêu cầu anh Phạm Trung H và chị Võ Thị Huỳnh N liên đới trả tiền vốn là 715.000.000 đồng và tiền lãi trong thời gian 3 tháng, lãi suất 1,1%/tháng, thành tiền là 23.595.000 đồng.

*Theo các lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn Phạm Trung H trình bày:*

Ngày 03/8/2021, anh có 02 lần vay của anh T số tiền tổng cộng là 700.000.000 đồng như anh T trình bày và anh có viết 02 giấy mượn tiền. Đến ngày 04/8/2021 (dl), anh vay tiếp của anh T số tiền 15.000.000 đồng nhưng vì số tiền nhỏ nên không có làm giấy tờ. Cả 03 lần vay tiền thì hai bên đều thỏa thuận lãi suất 3%/tháng và có hứa 01 tuần trả lại. Mục đích vay tiền là để cho khách hàng đến hạn trả nợ ngân hàng vay lại, sau khi khách hàng làm thủ tục vay tiền của ngân hàng thì sẽ trả lại tiền vốn và lãi cho anh. Thực tế, anh có dùng khoản tiền vay của anh T để làm thủ tục cho khách hàng đáo hạn tại ngân hàng vay lại, sau đó khách hàng trả tiền vay lại thì anh đã không trả tiền vốn và lãi cho anh T theo cam kết mà mượn tiếp để trả các khoản nợ của cá nhân anh. Nay anh thừa nhận còn nợ lại anh T số tiền 715.000.000 đồng và đồng ý trả số tiền 715.000.000 đồng cùng tiền lãi 23.595.000 đồng như anh T yêu cầu.

Việc anh vay tiền của anh Trôi sau đó sử dụng để chi trả cho các khoản nợ của riêng anh thì vợ anh là chị N không biết. Trước khi cưới chị N, anh có làm ăn riêng và có nhiều khoản nợ riêng nhưng anh giấu không nói cho chị N biết. Sau khi cưới nhau, cả hai đều có công việc làm, có thu nhập riêng. Tiền lương của anh cũng chỉ mang về nuôi con. Nhưng vợ chồng không có làm ăn chung nên việc anh vay tiền của anh T là để chi cho các khoản nợ riêng của anh trước khi cưới. Như. Về tài sản chung, vợ chồng anh có 01 ngôi nhà được xây trên đất của mẹ vợ (hiện vẫn do cậu vợ anh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Nguồn tiền để xây cất ngôi nhà này chủ yếu do gia đình 02 bên cho, anh cũng chỉ đóng góp một chút từ tiền lương để mua một ít vật dụng nhỏ trong nhà. Do đó, anh cho rằng chị N không biết và không liên quan gì đến số tiền anh T cho anh vay.

*Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 29/11/2021, biên bản lấy lời khai ngày 02/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị Huỳnh N trình bày:*

Chị và anh H cưới nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trước khi cưới, chị đã biết anh H có một số nợ riêng nhưng không biết rõ là bao nhiêu và anh H cũng không nói cụ thể. Sau khi cưới, chị và anh H đều có công việc, có thu nhập riêng, vì muốn anh H lo trả nợ riêng nên chị cũng không yêu cầu anh H đóng góp gì cho gia đình, chỉ nhờ anh H trả tiền điện, nước coi như là có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, anh H đi làm bao nhiêu tiền chị đều không hỏi tới. Do đó, chị và anh H không có làm kinh tế chung, cũng không có tài sản chung. Khi mới cưới, vợ chồng chị sống ở nhà cha mẹ chồng. Sau đó, mẹ ruột chị cho đất và họ hàng 02 bên cho tiền, thêm tiền chị dành dụm từ khi đi làm mới xây dựng được ngôi nhà tường, kiểu nhà hộp, giá trị khoảng 500 triệu – 700 triệu đồng, anh H không có đóng góp vào việc xây ngôi nhà này.

Đối với số nợ của anh Tân, chị không biết gì và không liên quan gì đến việc anh H vay tiền của anh T cũng như những người khác. Vì anh H vay tiền để làm việc riêng của anh H, không có mang về cho gia đình. Sau này việc nợ nần của anh H đổ ra, anh T và một số người khác đi kiện thì chị mới biết. Do chị không có liên quan đến việc vay tiền của anh H và anh Tân chị không đồng ý liên đới cùng anh H trả số tiền 715.000.000 đồng cùng tiền lãi cho anh Tân.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đã quyết định như sau:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hạ Chí T đối với bị đơn anh Phạm Trung H. Buộc bị đơn anh Phạm Trung H trả cho nguyên đơn anh Hạ Chí T số tiền 738.595.000 (bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 715.000.000 (bảy trăm mười lăm triệu) đồng và

tiền lãi là 23.595.000 (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hạ Chí T về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Huỳnh N liên đới cùng bị đơn anh Phạm Trung H trả số tiền vốn 715.000.000 (bảy trăm mười lăm triệu) đồng và tiền lãi 23.595.000 (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/01/2022 nguyên đơn anh Hạ Chí T kháng cáo một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc chị Võ Thị Huỳnh N phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Phạm Trung H trả số tiền nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về tố tụng:

Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hạ Chí T, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, buộc chị Võ Thị Huỳnh N phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Phạm Trung H trả số tiền 738.595.000 đồng (bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 23.595.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho anh Hạ Chí T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Các bên đương sự thống nhất trình bày anh Hạ Chí T có cho anh Phạm Trung H vay tiền 03 lần vào các ngày 03/8/2021 và 04/8/2021 với tổng số tiền vay là 715.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, thời hạn vay là 01 tuần, mục đích để anh H cho những khách hàng cần tiền trả nợ ngân hàng vay lại; đến nay anh H chưa trả số tiền này cho anh T và cũng không có trả tiền lãi. Vì vậy, việc anh T yêu cầu anh H trả số tiền vốn vay 715.000.000 đồng và tiền lãi 23.595.000

đồng là có cơ sở nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[2] Ngoài ra, anh Tyêu cầu chị Võ Thị Huỳnh N (vợ anh H) có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ nêu trên cùng chồng vì khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, chị N sống cùng nhà với anh H, có lợi cùng hưởng, có nợ thì cùng chịu trách nhiệm trả nợ. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh H không thừa nhận đây là nợ chung của vợ chồng vì cho rằng việc anh H vay tiền chị N không biết và không tham gia vào giao dịch vay tiền, số tiền này anh H vay để sử dụng vào mục đích riêng, không mang về cho gia đình và cũng không dùng để phát triển kinh tế gia đình. Anh Tvà anh H cũng thừa nhận chỉ có anh Tvà anh H giao dịch vay tiền, chị N không tham gia và mục đích vay tiền là để cho những khách hàng đến hạn trả nợ ngân hàng vay lại. Bản thân anh H cho rằng anh đã dùng số tiền này để xoay sở cho những khoản nợ riêng của anh trước đó. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh tình trạng hôn nhân và điều kiện làm kinh tế chung của chị N và anh H thì nhận thấy sau khi chị N và anh H kết hôn, cả 02 đều có công việc riêng và địa phương không rõ việc chị N và anh H có làm kinh tế chung hay không. Mặc dù, việc vay tiền xảy ra trong thời kỳ hôn nhân của anh H và chị N, nhưng anh T không chứng minh được việc chị N có tham gia vào giao dịch vay số tiền 715.000.000 đồng, cũng như không chứng minh được việc anh H sử dụng số tiền này để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình hoặc để phát triển kinh tế chung của gia đình theo quy định tại Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc chị N có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ cùng anh H là có cơ sở.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Hạ Chí T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là không phù hợp nên không được chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Anh Phạm Trung H phải chịu án phí là 33.543.800 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho anh Hạ Chí T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003195 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Anh Hạ Chí T phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003770 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Hạ Chí T;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2022/DS-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre

Căn cứ Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hạ Chí T đối với bị đơn anh Phạm Trung H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc anh Phạm Trung H phải có nghĩa vụ trả cho anh Hạ Chí T số tiền 738.595.000 đồng (bảy trăm ba mươi tám triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 23.595.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hạ Chí T về việc yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị Huỳnh N có trách nhiệm liên đới cùng bị đơn anh Phạm Trung H trả số tiền vốn 715.000.000 đồng (bảy trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi 23.595.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho anh Hạ Chí T.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Trung H phải chịu là 33.543.800 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho anh Hạ Chí Tsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003195 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Hạ Chí T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003770 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

*Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hương**